

TÁC ĐỘNG CỦA CÚ SỐC KINH TẾ ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2018 - 2025 VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

**Economic shocks and China's economy (2018-2025):
analytical assessment and policy lessons for Vietnam**

ĐẶNG THU THỦY

Bài viết phân tích tác động kinh tế vĩ mô của ba cú sốc lớn đối với nền kinh tế Trung Quốc trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2025, bao gồm chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, đại dịch COVID-19 và khủng hoảng bất động sản kéo dài. Trên cơ sở dữ liệu thứ cấp từ các tổ chức quốc tế hàng đầu và khung phân tích SWOT, kết quả cho thấy Trung Quốc đã duy trì được sự ổn định kinh tế vĩ mô tương đối, với mức tăng trưởng GDP đạt 5,0% và thặng dư thương mại lên tới mức kỷ lục 1,19 nghìn tỷ USD vào năm 2025. Tuy nhiên, quốc gia này vẫn phải đối mặt với những thách thức cấu trúc nghiêm trọng, bao gồm tình trạng suy thoái bất động sản kéo dài, áp lực nợ công gia tăng, xu hướng sụt giảm FDI và nguy cơ leo thang thuế quan trong khuôn khổ chính sách Trump 2.0. Từ kinh nghiệm của Trung Quốc, bài báo rút ra các hàm ý chính sách cho Việt Nam liên quan đến đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, thu hút FDI chất lượng cao và quản lý rủi ro kinh tế vĩ mô.

Từ khóa: cú sốc kinh tế, Trung Quốc, SWOT, Việt Nam.

This paper examines the macroeconomic impacts of three major shocks on China's economy over the period 2018 to 2025: the U.S.-China trade war, the COVID-19 pandemic, and the prolonged real estate crisis. Drawing on secondary data from leading international institutions and a SWOT analytical framework, the findings indicate that China maintained relative macroeconomic stability. The country achieved 5.0% GDP growth and a record trade surplus of USD 1.19 trillion in 2025, while continuing to face serious structural challenges, including a protracted real estate downturn, rising public debt, declining FDI, and escalating tariff risks under the Trump 2.0 policy agenda. Building on China's experience, the paper derives policy implications for Vietnam concerning market diversification, quality FDI attraction, and macroeconomic risk management.

Keywords: economic shocks, China, SWOT, Vietnam.

1. Giới thiệu

Giai đoạn từ năm 2018 đến nay đã chứng kiến những biến động kinh tế toàn cầu chưa từng có tiền lệ, đẩy nhiều quốc gia vào trạng thái “đa khủng hoảng”. Với tư cách là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới có độ mở thương mại cao, Trung Quốc trở thành tâm điểm hứng chịu các cú sốc mang tính hệ

thống, bao gồm cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung khởi phát năm 2018, đại dịch COVID-19 gây đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, cuộc khủng hoảng bất động sản nội địa kéo dài từ năm 2021, và những

Đặng Thu Thủy, PGS.TS., Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

áp lực thuế quan mới từ chính quyền Mỹ nhiệm kỳ hai (Trump 2.0).

Những cú sốc này không chỉ thử thách năng lực điều hành của Bắc Kinh mà còn buộc Trung Quốc phải tái cấu trúc mô hình tăng trưởng, chuyển dịch từ sự phụ thuộc vào xuất khẩu và đầu tư sang chiến lược “lưu thông kép” (shuang xunhuan) gắn với tự chủ công nghệ cao.

Các công trình gần đây đã tập trung phân tích từng cú sốc riêng lẻ đối với kinh tế Trung Quốc. Fajgelbaum và Khandelwal (2021) chỉ ra rằng thuế quan của Mỹ làm giảm đáng kể lợi nhuận của các doanh nghiệp xuất khẩu Trung Quốc, thúc đẩy dịch chuyển chuỗi cung ứng sang Việt Nam, Mexico và Ấn Độ. Bown (2021) phân tích sự thất bại của Thỏa thuận thương mại giai đoạn 1, khi Trung Quốc chỉ thực hiện được khoảng 58% cam kết mua hàng từ Mỹ trong giai đoạn 2020 - 2021. Về các cú sốc nội tại, IMF (2025) và World Bank (2025) nhấn mạnh rủi ro từ cuộc khủng hoảng bất động sản kéo dài từ năm 2021, khi các tập đoàn lớn như Evergrande (Héngdà) và Country Garden (Bìguìyuán) vỡ nợ, gây áp lực lên hệ thống tài chính và ngân hàng địa phương.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu riêng lẻ, các nghiên cứu tích hợp đa chiều bao gồm đồng thời chiến tranh thương mại 2.0, hậu đại dịch và khủng hoảng bất động sản với dữ liệu cập nhật đến đầu năm 2026 vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, tác động của kỳ vọng thuế quan “Trump 2.0” ở mức lên đến 60% trong bối cảnh thăng dư thương mại kỷ lục năm 2025 là một khía cạnh mới cần được làm rõ.

Nghiên cứu này tập trung phân tích tác động đa chiều của các cú sốc kinh tế giai đoạn 2018 - 2025, đánh giá sức chống chịu và triển vọng của kinh tế Trung Quốc thông qua mô hình SWOT, đồng thời rút ra các hàm ý chính sách cho Việt Nam. Bài nghiên cứu cung cấp bức tranh vĩ mô cập nhật đến năm

2025 và thực hiện phân tích SWOT toàn diện, nhận diện các cơ hội và thách thức mới của Trung Quốc trong giai đoạn “bình thường mới” của quan hệ kinh tế quốc tế.

Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp từ các tổ chức quốc tế và cơ quan thống kê chính thức, bao gồm Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Cơ quan Đại diện Thương mại Mỹ (USTR), cập nhật đến năm 2025.

Phương pháp phân tích chính gồm: (i) phân tích mô tả định tính về bối cảnh chính sách và diễn biến các cú sốc; (ii) phân tích SWOT đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của kinh tế Trung Quốc; (iii) phân tích tương tác giữa các yếu tố SWOT để nhận diện rõ hơn cấu trúc vị thế cạnh tranh.

2. Các cú sốc tác động đến kinh tế Trung Quốc (2018 - 2025)

Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung nổ ra chính thức vào tháng 3-2018, khi Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố áp thuế đối với 50 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc (USTR, 2018). Đây không chỉ là cuộc đối đầu về thuế quan mà còn là cuộc cạnh tranh chiến lược dài hạn về công nghệ, quyền lực kinh tế và tầm ảnh hưởng toàn cầu. Giai đoạn 2018 - 2019 chứng kiến các đợt leo thang liên tiếp, trong khi Thỏa thuận giai đoạn 1 ký kết vào tháng 1-2020 chỉ tạm thời xoa dịu căng thẳng mà không giải quyết được những mâu thuẫn cấu trúc căn bản.

Đến nửa đầu năm 2025, cuộc chiến tiếp tục leo thang khi chính quyền Trump 2.0 triển khai các đợt áp thuế mạnh mẽ. Đáp trả, Trung Quốc thực thi kiểm soát xuất khẩu đất hiếm, nhóm nguyên liệu chiến lược thiết yếu cho công nghệ và quốc phòng, khiến xuất khẩu mặt hàng này giảm hơn 25% so với cùng kỳ (CSIS, 2025). Tổng kim ngạch thương mại song phương Mỹ - Trung Quốc giảm hơn 11% trong giai

đoạn 2018 - 2024 (USTR, 2025), tỷ trọng xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ giảm từ 19% năm 2018 xuống 14% năm 2023, trong khi tỷ trọng hàng Trung Quốc trong tổng nhập khẩu của Mỹ giảm từ 21,6% xuống 13,4% (Liberty Street Economics, 2025).

Căng thẳng thương mại cũng nhanh chóng lan sang lĩnh vực công nghệ: Mỹ áp đặt lệnh cấm vận đối với Huawei, ZTE và các doanh nghiệp chip hàng đầu Trung Quốc, buộc Bắc Kinh đẩy mạnh đầu tư vào R&D và bán dẫn nội địa (Thái Bảo Ngọc, 2025). Đồng thời, xu hướng “China + 1” đã thúc đẩy dòng vốn FDI dịch chuyển sang Việt Nam, Ấn Độ và Mexico (OECD, 2021).

Đại dịch COVID-19 trong giai đoạn 2020 - 2022 và cuộc khủng hoảng bất động sản bắt đầu từ năm 2021 là hai cú sốc kết hợp, bắt nguồn từ cả bên trong lẫn bên ngoài, gây tổn thất nặng nề nhất trong giai đoạn nghiên cứu. COVID-19 đã kéo tăng trưởng GDP xuống 2,2% năm 2020, đồng thời gây gián đoạn nghiêm trọng chuỗi cung ứng toàn cầu. Chính sách Zero-COVID kéo dài đến cuối năm 2022 tiếp tục kìm hãm đà phục hồi kinh tế. Thị trường bất động sản, vốn chiếm tỷ trọng đáng kể trong GDP, rơi vào khủng hoảng khi các tập đoàn hàng đầu như Evergrande và Country Garden đối mặt với nguy cơ vỡ nợ, gây áp lực lên hệ thống tài chính, làm suy yếu niềm tin tiêu dùng và ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư nội địa (IMF, 2025).

3. Tác động đối với các chỉ số kinh tế vĩ mô (2018 - 2025)

3.1. Tăng trưởng GDP

Trong giai đoạn 2018 - 2025, tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc trải qua những

biến động đáng kể. Các năm 2018 - 2019 duy trì mức tăng trưởng trên 6%, song áp lực từ cuộc chiến thương mại đã bắt đầu tác động tiêu cực đến xuất khẩu và đầu tư (Fajgelbaum và Khandelwal, 2021). Năm 2020, GDP chỉ tăng 2,2%, mức thấp nhất trong nhiều thập kỷ, trước khi phục hồi mạnh mẽ lên 8,4% năm 2021 nhờ hiệu ứng nền thấp và các gói kích thích tài khóa. Năm 2022, chính sách Zero-COVID kết hợp với suy thoái bất động sản đã kéo tăng trưởng xuống còn 3,0% (NBS, 2026).

Năm 2025 là một dấu mốc quan trọng khi tăng trưởng GDP đạt 5,0%, hoàn thành mục tiêu “khoảng 5%” của Chính phủ, đồng thời quy mô GDP lần đầu tiên vượt ngưỡng 140 nghìn tỷ CNY, tương đương khoảng 20 nghìn tỷ USD (NBS, 2026). Kết quả này được hỗ trợ bởi các gói kích thích kinh tế triển khai vào cuối năm 2024, tập trung vào thị trường bất động sản và giảm chi phí vay vốn, cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu sang các ngành công nghệ cao và dịch vụ giá trị gia tăng.

3.2. Thương mại quốc tế

Thương mại vẫn là động lực tăng trưởng chủ yếu của Trung Quốc, ngay cả trong bối cảnh phải đối mặt với các rào cản thuế quan ngày càng gia tăng từ Mỹ và EU. Năm 2025, thặng dư thương mại đạt mức kỷ lục 1,19 nghìn tỷ USD, tăng khoảng 20% so với năm 2024 (Reuters, 2026b). Sự bùng nổ này được thúc đẩy chủ yếu bởi nhóm sản phẩm “New Three” gồm xe điện, pin lithium và pin mặt trời, phản ánh sức cạnh tranh vượt trội của chuỗi cung ứng Trung Quốc trong các ngành công nghệ xanh.

BẢNG 1: Các chỉ số thương mại chủ chốt của Trung Quốc (2018 - 2025)

Chỉ số	2018	2021	2023	2024	2025
Xuất khẩu (tỷ USD)	2.487	3.364	3.380	3.420	3.650

Tác động của cú sốc...

Chỉ số	2018	2021	2023	2024	2025
Nhập khẩu (tỷ USD)	2.135	2.687	2.557	2.580	2.460
Cán cân thương mại (tỷ USD)	+352	+677	+823	+840	+1.190

Nguồn: NBS (2026), Reuters (2026b).

Thặng dư kỷ lục một phần phản ánh tâm lý tích trữ hàng hóa của các nhà nhập khẩu Mỹ và Châu Âu trước nguy cơ áp thuế mới từ chính quyền Trump 2.0. Điều này cũng đồng thời làm gia tăng rủi ro bị áp đặt các biện pháp trả đũa thương mại trong tương lai (USTR, 2025).

3.3. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Ngược lại với thặng dư thương mại kỷ lục, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Trung Quốc tiếp tục xu hướng suy giảm. Năm 2025, FDI thực tế đạt 747,7 tỷ CNY, tương đương khoảng 107,4 tỷ USD, giảm 9,5% so với năm 2024 (Reuters, 2026a), đánh dấu năm thứ ba liên tiếp sụt giảm. Ba nguyên nhân chính bao gồm: thứ nhất, rủi ro địa chính trị gia tăng khiến các tập đoàn đa quốc gia thực thi chiến lược “China + 1”; thứ hai, chi phí lao động và chi phí tuân thủ môi trường tăng cao làm giảm sức hấp dẫn của Trung Quốc với tư cách là trung tâm sản xuất chi phí thấp; thứ ba, sự bất ổn pháp lý trong các quy định về an ninh dữ liệu và chống độc quyền đã làm suy giảm niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài.

Đáng chú ý, dù tổng lượng vốn giảm, cơ cấu FDI đang chuyển dịch theo hướng tích cực: đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao và dịch vụ hiện đại tiếp tục duy trì đà tăng, và số doanh nghiệp FDI mới thành lập năm 2025 đạt trên 61.000 đơn vị, tăng 16,9% so với cùng kỳ. Điều này cho thấy sức hút của thị trường nội địa Trung Quốc vẫn còn tương đối mạnh đối với các ngành có giá trị gia tăng cao.

3.4. Thị trường lao động

Thất nghiệp trong nhóm thanh niên từ 16 đến 24 tuổi là điểm nóng xã hội nổi bật trong giai đoạn này. Tỷ lệ này đạt đỉnh 21,3% vào tháng 6-2023, phản ánh sự mất cân đối giữa cung và cầu lao động khi số sinh viên tốt nghiệp đại học tăng nhanh trong khi các ngành truyền thống thu hẹp quy mô và đẩy mạnh tự động hóa. Sau khi điều chỉnh phương pháp thống kê bằng cách loại trừ học sinh, sinh viên đang đi học, đến tháng 12-2025, tỷ lệ này giảm xuống 16,5% (NBS, 2026), nhờ các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, đào tạo nghề và tạo việc làm trong kinh tế số.

3.5. Dự trữ ngoại hối và ổn định tài chính

Trung Quốc tiếp tục duy trì vị thế quốc gia có dự trữ ngoại hối lớn nhất thế giới. Tính đến cuối tháng 12-2025, dự trữ ngoại hối đạt 3,3579 nghìn tỷ USD (SAFE, 2025), tạo vùng đệm vững chắc cho ổn định tỷ giá CNY và khả năng can thiệp thị trường. Tuy nhiên, rủi ro từ nợ của chính quyền địa phương (LGFV) và tỷ lệ nợ Chính phủ trên GDP dự kiến đạt 88% vào cuối năm 2025 (Trading Economics, 2026) vẫn là mối lo ngại cấu trúc lớn, thu hẹp dư địa chính sách tài khóa cho các gói kích thích trong tương lai.

4. Phân tích SWOT kinh tế Trung Quốc

Dựa trên phân tích diễn biến và tác động của các cú sốc trong giai đoạn 2018 - 2025, mô hình SWOT dưới đây tổng hợp một cách hệ thống vị thế của kinh tế Trung Quốc:

BẢNG 2: Ma trận SWOT của kinh tế Trung Quốc giai đoạn 2018 - 2025

Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
• Dự trữ ngoại hối trên 3,39 nghìn tỷ USD, tấm đệm tài chính vững chắc • Hệ sinh thái sản xuất và logistics hiện đại, thặng dư thương mại kỷ lục 1,19 nghìn tỷ USD • Dẫn đầu xuất khẩu “New Three” (EV, pin lithium, pin mặt trời) • Đầu tư R&D bán dẫn, AI và công nghệ chiến lược	• Khủng hoảng bất động sản kéo dài, nợ xấu từ Evergrande và Country Garden • Tỷ lệ nợ Chính phủ/GDP khoảng 88% (2025), gánh nặng nợ LGFVs • Dân số già hóa, tỷ lệ sinh thấp, tiêu dùng nội địa yếu
Cơ hội (O)	Thách thức (T)
• Mở rộng thị trường BRICS+, ASEAN, giảm phụ thuộc vào thị trường phương Tây • Kinh tế số và AI tạo động lực tăng trưởng mới • Chuyển đổi xanh toàn cầu tăng nhu cầu với sản phẩm năng lượng sạch của Trung Quốc	• Thuế quan “Trump 2.0” (lên đến 60%) đe dọa xuất khẩu và việc làm • Xu hướng “China + 1” và suy giảm FDI làm xói mòn lợi thế sản xuất • Cấm vận công nghệ ngày càng siết chặt (bán dẫn, AI, thiết bị quân sự)

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

Điểm mạnh cốt lõi của Trung Quốc, bao gồm dự trữ ngoại hối khổng lồ, hệ sinh thái sản xuất hoàn chỉnh và vị thế dẫn đầu trong công nghệ xanh, tạo nền tảng vững chắc cho sức chống chịu trước các cú sốc bên ngoài. Tuy nhiên, các điểm yếu cơ cấu về nợ bất động sản và áp lực nhân khẩu học đang cộng hưởng với các thách thức địa chính trị, thu hẹp dư địa chính sách và tạo ra những rủi ro hệ thống nghiêm trọng trong trung hạn.

5. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ kinh nghiệm của Trung Quốc trong giai đoạn 2018 - 2025, Việt Nam có thể rút ra bốn bài học chính sách quan trọng:

Thứ nhất, đa dạng hóa thị trường và chuỗi cung ứng. Việc Trung Quốc chủ động giảm tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ từ 19%

(2018) xuống 14% (2023) minh chứng cho tầm quan trọng của việc không phụ thuộc vào một thị trường đơn lẻ. Với cơ cấu xuất khẩu còn tập trung, Việt Nam cần đẩy mạnh khai thác các thị trường ASEAN, RCEP, BRICS+ và tận dụng các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA.

Thứ hai, thu hút FDI chất lượng cao. Chiến lược “China + 1” đang tạo ra làn sóng dịch chuyển đầu tư mà Việt Nam có thể tận dụng. Thay vì chỉ cạnh tranh về chi phí lao động thấp, Việt Nam cần định vị là điểm đến cho FDI công nghệ cao, bán dẫn và năng lượng xanh, nhằm nâng cao vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu và gia tăng hàm lượng công nghệ trong xuất khẩu.

Thứ ba, kiểm soát rủi ro nợ và bất động sản. Cuộc khủng hoảng bất động sản Trung

Quốc với những hệ lụy kéo dài tác động lên toàn bộ hệ thống tài chính là bài học cảnh báo nghiêm túc về hậu quả của việc buông lỏng kiểm soát tín dụng vào các lĩnh vực rủi ro cao. Việt Nam cần duy trì kỷ luật tài khóa, kiểm soát chặt chẽ đòn bẩy tài chính trên thị trường bất động sản và lành mạnh hóa kênh phát hành trái phiếu doanh nghiệp (IMF, 2025; Trading Economics, 2026).

Thứ tư, đầu tư vào tự chủ công nghệ và chuyển đổi số. Kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc xây dựng năng lực sản xuất bán dẫn nội địa và phát triển nhóm “New Three” cho thấy rằng đầu tư dài hạn vào R&D, đào tạo nhân lực chất lượng cao và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo là điều kiện tiên quyết để duy trì lợi thế cạnh tranh bền vững trong bối cảnh kinh tế số hóa nhanh chóng.

6. Kết luận

Giai đoạn 2018 - 2025 đánh dấu bước ngoặt trong quỹ đạo phát triển của kinh tế Trung Quốc. Mặc dù liên tiếp chịu tác động từ chiến tranh thương mại, đại dịch COVID-19 và khủng hoảng bất động sản, Trung Quốc vẫn duy trì được ổn định vĩ mô tương đối với mức tăng trưởng GDP 5,0% và thặng dư thương mại kỷ lục năm 2025. Tuy nhiên, sức mạnh này đang bị thử thách bởi những điểm yếu cấu trúc sâu xa, gồm gánh nặng nợ công, những bất lợi về nhân khẩu học và sự cô lập công nghệ ngày càng gia tăng, đòi hỏi những cải cách căn bản và bền vững.

Đối với Việt Nam, việc xây dựng các kịch bản ứng phó linh hoạt với thay đổi chuỗi cung ứng toàn cầu, tăng cường hợp tác kinh tế đa phương và nâng cao năng lực nội tại là giải pháp bền vững nhất để đối phó với bất định kinh tế toàn cầu. Sự thích ứng linh hoạt kết hợp với tự chủ chiến lược sẽ quyết định vị thế cạnh tranh của các nền kinh tế đang phát triển trong thập kỷ tới./.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bown C.P. (2021). “The US-China trade war and Phase One agreement”, *Journal of Policy Modeling*, vol. 43, no. 4, pp. 805-843.
2. CSIS (2025), “Trump strikes deal to restore rare earths access”, *CSIS Analysis*, Center for Strategic and International Studies, <https://www.csis.org/analysis/trump-strikes-deal-restore-rare-earths-access>.
3. Fajgelbaum P.D., Khandelwal A.K. (2021), “The economic impacts of the US-China trade war”, *NBER Working Paper*, no. 29315.
4. IMF (2025), “People’s Republic of China: 2025 Article IV Consultation”, *IMF Country Report*, International Monetary Fund, <https://www.imf.org/en/Publications/CR/Issues/2026/02/17/peoples-republic-of-china-2025-article-iv-consultation-574028>.
5. Liberty Street Economics (2025), “U.S. imports from China have fallen by less than U.S. data indicate. Federal Reserve Bank of New York”, <https://libertystreeteconomics.newyorkfed.org/2025/02/u-s-imports-from-china-have-fallen-by-less-than-u-s-data-indicate/>.
6. NBS (2026), “National economy pushed forward with innovation-led and high-quality development in 2025”, National Bureau of Statistics of China, http://www.stats.gov.cn/english/PressRelease/202601/t20260119_1962328.html.
7. OECD (2021), “Measuring foreign direct investment”, <https://www.oecd.org/en/topics/foreign-direct-investment-fdi.html>.
8. Reuters (2026a), “Foreign direct investment in China slides 9.5% in 2025”, <https://www.reuters.com/world/asia-pacific/foreign-direct-investment-china-slides-95-2025-2026-01-23/>.
9. Reuters (2026b), “China’s trade ends 2025 with record \$1.2 trillion surplus despite Trump tariffs”, <https://www.reuters.com/world/china/chinas-trade-ends-2025-with-record-trillion-dollar-surplus-despite-trump-tariffs-2026-01-14/>.

10. SAFE (2025), “SAFE releases data on China’s foreign exchange reserves at the end of December 2025”, State Administration of Foreign Exchange, <https://www.safe.gov.cn/en/2026/0107/2382.html>.
11. Thái Bảo Ngọc (2025), “Đổi đầu công nghệ Mỹ - Trung thời Trump 2.0: Có gì bên dưới tảng băng trôi?”, *Vietnam Strategic Forum*, <https://vsforum.org/article/doi-dau-cong-nghe-my-trung-thoi-trump-20-co-gi-ben-duoi-tang-bang-troi>.
12. Trading Economics (2026), “China government debt to GDP”, <https://tradingeconomics.com/china/government-debt-to-gdp>.
13. USTR (2018), “USTR issues tariffs on Chinese products in response to unfair trade practices”, U.S. Trade Representative, <https://ustr.gov/about-us/policy-offices/press-office/press-releases/2018/june/ustr-issues-tariffs-chinese-products>.
14. USTR (2025), “The People’s Republic of China”, U.S. Trade Representative, <https://ustr.gov/countries-regions/china-mongolia-taiwan/peoples-republic-china>.
15. World Bank (2025), “Advancing reforms, enhancing prospects - Special focus: Household savings and financial intermediation in China”, *China Economic Update December 2025*, <https://thedocs.worldbank.org/en/doc/600cd53e2bb24d516b8c3489e5d2c187-0070012025/original/CEU-December-2025-EN.pdf>.

Ngày gửi bài : 07-01-2026
Ngày nhận bản sửa : 27-01-2026
Ngày duyệt đăng : 28-01-2026